

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị Thu H. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tổng Văn M. Chức vụ: Phó Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 77/GUQ-NHCS ngày 09/4/2021.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Vũ H. Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hầu Phúc H. Chức vụ: Phó Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 51/NHNo.CĐ-GUQ ngày 07/4/2021.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện Chợ Đồn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Đ. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021.

## **XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức N.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức N thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức N có 02 con chung tên là Nguyễn Đức L, sinh ngày 10/4/2004 và Nguyễn Hà V, sinh ngày 10/11/2010. Hai bên thống nhất, thỏa thuận chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đức N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:**

\* Chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản vay sau:

+ Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền gốc là 140.000.000đ (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh theo đúng hợp đồng tín dụng số 8601LAV202002102, ký ngày 25/12/2020.

+ Khoản vay ngày 05/3/2020 tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C với số tiền gốc là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo đúng hạn.

+ Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện C với số tiền dư nợ gốc là

52.500.000đ (*năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh theo đúng Hợp đồng tín dụng số HDTD2632019301, ký ngày 13/12/2019.

\* Anh Nguyễn Đức N có trách nhiệm trả khoản vay ngày 23/8/2018 tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C với số tiền gốc là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo đúng hạn.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Đức N phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Án phí chị Nguyễn Thị L phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000572 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nguyễn Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Duy Cạn**